

Bản án số: 07/2022/HS-ST

Ngày: 15-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đại Trọng và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Như N (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 21/11/1981, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn KS, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân bảo vệ rừng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Lê Viết C và bà Võ Thị P. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Lê Thị T (đã ly hôn năm 2012) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân, vào năm 2012, đã bị kết án 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án số 57/2012/HSPT ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2013 và đã được xóa án tích;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

2. Trần D (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 08/6/1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn TC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Trần T và bà Lê Thị Hg (đều đã chết). Anh chị em ruột có 13 người, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Hồ Thị TH và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

3. Trần T (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 10/5/1976, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông, lâm nghiệp; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Trần T và bà Lê Thị H (đều đã chết); Anh chị em ruột có 13 người, bị cáo là con thứ năm; Có vợ: Dương Thị N và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Viết D1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 05/6/1973, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Viết Qg và bà Phan Thị C. Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Nguyễn Thị B và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Văn Y (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 22/02/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M. Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Nguyễn Thị Thu C và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 01/10/1997, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M. Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

7. Nguyễn Đình B1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 12/5/1996, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Đình C và bà Dương Thị Kim T. Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Hồ Thị Mỹ Linh và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

8. Nguyễn Minh T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 13/3/1996, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Nguyễn Thị Giang và 02 người

con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

9. Đào Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 05/5/1974 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn TC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Đào H (đã chết) và bà Lê Thị T. Anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là con thứ bảy; Có vợ là Trần Thị K và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

10. Dương Văn V (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 21/5/1997, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Dương Văn K và bà Nguyễn Thị C. Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Trần Thị H và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP. Địa chỉ: Thôn CC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thất Ái T – Giám đốc Công ty. Địa chỉ: Số 38 đường Hàn Thuyên, phường Thuận Thành, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh L2, sinh năm 1968. Chức vụ: Phó phòng KHKT-BVR, phụ trách công tác pháp chế của Công ty. Địa chỉ: Thôn 1, xã TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Viết A2, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Phước P, sinh năm 1996 và chị Trần Thị G, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Tổ 06, phường TL, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Vũ K, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn H B, xã HT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn HB, xã HT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Anh Lê Quang T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số 16/01/52 đường BT, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ 12, phường TL, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn CC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn CC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Như N là công nhân của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP có trụ sở đóng tại thôn CC, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - Theo Hợp đồng lao động số: 10/QĐ-CTLNTP, ngày 08 tháng 4 năm 2014. Bị cáo N được Công ty phân công và giao nhiệm vụ là tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy tại lô 39 và lô 52 của khoảnh 1, Tiểu khu 157, thuộc địa phận xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế - Theo Quyết định số: 106/QĐ-CTLNTP ngày 11/4/2016, và được hưởng lương cơ bản là 3.753.000 đồng/01 tháng. Từ ngày 30/3/2021 đến 10/4/2021, bị cáo N xin nghỉ phép và được Công ty cho nghỉ phép để đưa con đi học tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian này, biết bị cáo N là người có chức trách và nhiệm vụ trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại Tiểu khu 157, nên bị cáo Trần D đã chủ động điện thoại cho bị cáo N, đề xin bị cáo N cho cưa một số cây gỗ thông tại Tiểu khu 157 (Ý của bị cáo D là xin cưa gỗ thông rồi sẽ đưa tiền cho bị cáo N). Nghe vậy, thì bị cáo N đồng ý và nói bị cáo D cứ chờ 01 xe gỗ thông thì đưa cho bị cáo N 2.000.000 đồng và bị cáo N nói với bị cáo D “ Khai thác vị trí nào là do N chỉ mới được phép vào khai thác, khi nào vào khai thác thì báo trước cho N biết”.

Đến khoảng 19 giờ ngày 07/4/2021, bị cáo Trần D đang ngồi cùng bị cáo Nguyễn Viết D1, bị cáo Trần T và bị cáo Đào Văn L tại nhà của bị cáo T ở thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy thì bị cáo D điện thoại cho bị cáo N và nói: “ Ngày mai nhóm của bị cáo D sẽ đi khai thác gỗ thông nhựa, cho khai thác vị trí mô rứa”, bị cáo N trả lời: “ Đến khu vực rừng thông cạnh nhà của ông Di mà khai thác”. Sau khi cả nhóm nghe rõ bị cáo D và bị cáo N trao đổi như vậy thì bị cáo T rủ thêm bị cáo Nguyễn Đình B1, Dương Văn V, Nguyễn Văn Y. Bị cáo Y rủ thêm Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Văn B cùng tham gia khai thác gỗ thông.

Biết việc khai thác gỗ thông là trái phép nhưng sáng ngày 08/4/2021, các bị cáo T, Di, T, Đình B, Văn B1, Trí, Vũ, Lợi vẫn cùng nhau đi đến rừng thông của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP, ở lô 39 và lô 52, khoảnh 1, Tiểu khu 157, thuộc xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, để khai thác gỗ thông. Khi đi, bị cáo D1 mang theo 01 cưa máy màu đỏ, trắng đen (mượn của ông Nguyễn Viết A2), để cưa gỗ thông. Trong 02 ngày 08/4/2021 và 09/4/2021, bị cáo D1 và bị cáo T đã thay nhau trực tiếp sử dụng cưa máy để cưa hạ 55 cây thông nhựa và cắt thành từng khúc. Còn các Bị cáo Y, Đình B, Văn B1, T1, L, V bóc và xếp số gỗ thông đã cưa được tập trung lại một chỗ để đưa lên xe ô tô.

Trong khi các bị cáo trên cưa và bóc xếp gỗ thì bị cáo Trần D liên lạc với anh Phạm Phước P (con rể của bị cáo D) để thuê anh P chở gỗ thông (giá bị cáo D thuê anh P chở 01 chuyến là 1.000.000 đồng) và liên lạc với ông Nguyễn Vũ K là giám đốc Công

ty TNHH một thành viên cửa xe gỗ và vận chuyển NK, để bán gỗ thông (ông K và bị cáo D thỏa thuận giá gỗ thông là 1.100.000 đồng/ 01 tấn).

Sau đó, anh P điều khiển xe ô tô tải mang BKS: 75C1-111.86 đến địa điểm trên, chở 04 chuyến gỗ thông mà các bị cáo đã khai thác được, đưa đến bán cho ông K được tổng số tiền là 34.800.000 đồng. Sau khi bán được gỗ, bị cáo D đưa cho bị cáo N 8.000.000 đồng, trả tiền thuê xe chở cho anh P 4.000.000 đồng, số tiền còn lại, bị cáo D và các đồng phạm chia nhau tiêu xài.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là rừng thuộc khoảnh 1, Tiểu khu 157 ở thôn 4, xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại vị trí đánh số 01 là toàn bộ diện tích khu vực rừng bị khai thác trái phép 10.080m², thuộc lô 39, 52 khoảnh 1, tiểu khu 157. Tại khu vực này phát hiện có 55 cây thông bị cửa gây được đánh số thứ tự từ 01 đến 55, có vị trí, các thông số về đường kính gốc (cm) có trong bảng tổng hợp kèm theo biên bản khám nghiệm hiện trường.

Tại bản kết luận giám định ngày 28/4/2021, của Tổ giám định thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Diện tích rừng bị khai thác là: 7.900 m² tại các lô 39 và 52 khoảnh 1, Tiểu khu 157, xã PS, thị xã Hương Thủy. Chức năng rừng là Rừng phòng hộ, đây là rừng trong hỗn giao Thông - Keo, cây Thông được trồng vào năm 1981, cây Keo được trồng trong nhiều năm gần đây. Trong diện tích trên có 55 cây Thông bị khai thác trái phép, số cây trên được khai thác chọn, chưa làm phá vỡ diện tích rừng. Tổng số cây thông bị khai thác là: 55 cây: Loại cây bị khai thác là: Cây thông nhựa có tên khoa học là *Pinus merkusii* Jet Viers, thuộc nhóm V, là cây gỗ thuộc loại thực vật thông thường. Tổng số lượng gỗ thông bị khai thác trái phép là: 25,084 m³.

Tại bản kết luận giám định số: 289 ngày 14/6/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Dấu vết cửa để lại tại 55 gốc cây thông và 02 (hai) lóng gỗ thông cần giám định là do cửa máy cùng loại với chiếc cửa máy do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Hương Thủy gửi làm mẫu so sánh tạo ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự UBND thị xã Hương Thủy, kết luận: gỗ thông nhựa có tên khoa học là *Pinus merkusii* Jet Viers, nhóm gỗ V, loại thông thường có khối lượng 25,084 m³, có giá trị định giá là: 75.252.000 đồng. (Bảy mươi lăm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã thu giữ, gồm:

- 01 cửa máy, màu đỏ- trắng-đen, dài 75 cm, trên thân cửa có dòng chữ: STIHL và MS 381 (tạm giữ của bị cáo Nguyễn Viết D1);
- 02 lóng gỗ thông, trong đó: Mỗi lóng gỗ thông có chiều dài là 2 mét và đường kính thân là 40 cm (tạm giữ của ông Nguyễn Minh L2);
- 01 di động hiệu Nokia, màu đen, số imei 1: 356940113450727, số imei 2: 356940118450722, số sim điện thoại sử dụng là 0935502959 tạm giữ của bị cáo Lê Như N;

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số imei 1: 359366094375096, số imei 2: 359366094375105, số sim điện thoại sử dụng là: 0342653952 (tạm giữ của bị cáo Trần D);

- 01 xe ô tô BKS: 75C-11168 (tạm giữ của anh Phạm Phước P);

- 01 bảng kê cân xe ô tô BKS: 75C-11168 từ ngày 01/04/2021 đến ngày 10/4/2021, có chữ ký của Phạm Phước P, tạm giữ của Phạm Phước P.

Hiện Cơ quan Điều tra đã trả lại xe ô tô mang BKS: 75C-11168 cho chủ sở hữu. Đối với 01 bảng kê cân xe ô tô BKS: 75C-11168 từ ngày 01/04/2021 đến ngày 10/4/2021, có chữ ký của Phạm Phước P hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Các vật chứng còn lại đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP khai đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại là 75.252.000 đồng do các bị cáo liên đới bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo: Lê Như N, Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT- VKSHTH ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Như N về tội: “Nhận hối lộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V, về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Lê Như N phạm tội: “Nhận hối lộ”. Đề nghị tuyên bố các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V, phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Như N từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y); Điều 65 Bộ luật Hình sự, để xử phạt các bị cáo: Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L, Dương Văn V từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Xử phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự thì các bị cáo đã tự N liên đới bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo yêu cầu của bị hại là Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp TP với số tiền 75.252.000 đồng; Tại phiên tòa người đại

diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước, gồm: 02 lóng gỗ thông; 01 di động hiệu Nokia màu đen có sim điện thoại của bị cáo N và 01 điện thoại di động hiệu Masstel có sim điện thoại đã thu giữ của bị cáo D. Đề nghị trả lại cho ông Nguyễn Viết A2 01 cửa máy màu đỏ-trắng-đen. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Bảng kê cân xe ô tô mang BKS: 75C-11168 từ ngày 01/04/2021 đến ngày 10/4/2021, có chữ ký của Phạm Phước P. Về án phí, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Lê Như N trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của các bị cáo Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V trình bày: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của ông Trần Minh L2, là người Đại diện hợp pháp bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp TP trình bày: Về hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án đã được làm rõ theo nội dung bản Cáo trạng đã truy tố phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý các bị cáo theo pháp luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự, hiện nay các bị cáo đã liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản đầy đủ cho Công ty với số tiền 75.252.000 đồng, Công ty không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết A2 trình bày: Về hành vi phạm tội của các bị cáo thì ông không được rõ. Đối với 01 cửa máy, màu đỏ-trắng-đen là thuộc sở hữu của ông, bị cáo Nguyễn Viết D1 mượn và dùng vào việc phạm tội thì ông không được rõ nên ông Ánh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cửa máy nói trên cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Quá trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

Vào khoảng thời gian từ ngày 08 tháng 04 đến ngày 09 tháng 04 năm 2021, bị cáo Lê Như N là công nhân của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP,

đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận số tiền là 8.000.000 đồng, tạo điều kiện cho các bị cáo Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V vào rừng Phòng hộ, thuộc lô 39 và lô 52 khoảnh 1, Tiểu khu 157 tại xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm Nghiệp TP, thực hiện hành vi khai thác trái phép 55 cây gỗ thông nhựa, có tên khoa học là *Pinusmerkusii* Jet Viers, thuộc nhóm gỗ V, loại thông thường, với tổng khối lượng gỗ bị khai thác là 25,084m³, có giá trị theo định giá là 75.252.000 đồng.

Xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Như N là nhân viên bảo vệ rừng của Công ty, đã lợi dụng chức trách và quyền hạn của mình tạo điều kiện cho nhóm của bị cáo Trần D vào rừng phòng hộ khai thác trái phép gỗ thông, để nhận hối lộ 8.000.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Còn các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V đã thực hiện hành vi là vào rừng phòng hộ, thuộc lô 39 và lô 52 khoảnh 1, Tiểu khu 157 tại xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm Nghiệp TP, để khai thác trái phép 55 cây gỗ thông nhựa, có tên khoa học là *Pinusmerkusii* Jet Viers, thuộc nhóm gỗ V, loại thông thường, khối lượng gỗ thông đã bị khai thác là 25,084m³, có trị giá là 75.252.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Như N, về tội: “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V, về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Như N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được việc cho các bị cáo khác vào khai thác gỗ thông trái phép trong khu vực rừng phòng hộ do mình được phân công, được giao nhiệm vụ là tuần tra bảo vệ rừng, để nhận hối lộ với số tiền 8.000.000 đồng là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi tội phạm. Đối với các bị cáo Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức việc khai thác gỗ thông tại khu rừng phòng hộ của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm Nghiệp TP là trái phép nhưng vẫn cùng nhau thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Như N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường, tính chuẩn mực trong công tác của cơ quan, tổ chức Nhà nước. Còn hành vi của các bị cáo Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý tài nguyên rừng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” nhưng mang tính chất giản đơn. Xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án thì: Bị cáo Trần D là người chủ động liên lạc với bị cáo N, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác để thực hiện hành vi khai thác trái phép gỗ thông thuộc rừng phòng hộ nên phải chịu trách nhiệm chính. Còn bị cáo D1 và bị cáo T là đồng phạm giúp sức tích cực, đã thay nhau trực tiếp sử dụng cưa máy để cưa hạ 55 cây thông nhựa nên phải chịu trách nhiệm thứ hai. Các Bị cáo Y, Đình B, Văn B1, Trí, Lợi, Vũ là đồng phạm giúp sức, đã bóc xẻp gỗ thông cưa được tập trung lại một chỗ và đưa lên xe ô tô nên chịu trách nhiệm ngang nhau, với vai trò thứ ba trong vụ án.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Như N, Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội tự N bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Dương Văn V và Đào Văn L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Như N trong quá trình công tác đã được đơn vị tặng nhiều giấy khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mặc khác bị cáo Lê Như N có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống bệnh dịch Covid-19 tại địa phương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Còn các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y có bà nội và bà ngoại là người có công với cách mạng nên bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Như N; Đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Trần D; Đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y ; Đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự còn lại là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Lê Như N tuy có nhân thân chưa được tốt nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Như N để xử phạt bị cáo một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ tác dụng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Trần D là chủ mưu, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác tham gia thực hiện hành vi tội phạm nên phải chịu trách nhiệm chính, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời

gian nhằm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo: Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Dương Văn V và Đào Văn L là đồng phạm giúp sức với vai trò thứ yếu, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ tác dụng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo: Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Dương Văn V và Đào Văn L theo quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP yêu cầu các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với số tiền 75.252.000 đồng. Các bị cáo đã tự N liên đới bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo yêu cầu của bị hại với số tiền 75.252.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo Lê Như N đã nhận hối lộ của nhóm bị cáo Trần D thì trong quá trình điều tra bị cáo N đã tự N nộp lại số tiền này. Cơ quan Điều tra xử lý vật chứng, đã chuyển số tiền 8.000.000 đồng này vào việc bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với bị hại là Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp TP trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết buộc bị cáo N phải nộp tiếp số tiền 8.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã thu giữ, gồm: 02 lồng gỗ thông; 01 cửa máy màu đỏ-trắng-đen; 01 di động hiệu Nokia màu đen có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen có gắn sim điện thoại và đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2022. Xét thấy: Đối với 02 lồng gỗ thông, trong đó: Mỗi lồng gỗ thông có chiều dài là 2 mét và đường kính thân là 40 cm, do các bị cáo phạm tội mà có nên cần phải tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 cửa máy màu đỏ-trắng-đen là thuộc sở hữu của ông Nguyễn Viết A2, do bị cáo Nguyễn Viết D1 mượn và sử dụng vào việc phạm tội, ông Ánh không biết nên cần phải trả lại cho ông Ánh. Còn đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen có gắn sim điện thoại đã tạm giữ của bị cáo Lê Như N và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen có gắn sim điện thoại đã tạm giữ của bị cáo Trần D, đây là phương tiện liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 Bảng kê cân xe ô tô mang BKS: 75C-11168 từ ngày 01/04/2021 đến ngày 10/4/2021 tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lê Như N phạm tội: Nhận hối lộ.

- Các bị cáo: Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Lê Như N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Trần D 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 232, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 (đối với bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y) Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo Trần T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Trần T 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Viết D1 10 (Mười) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Viết D1 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn Y 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Y 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn B 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Đình B1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đình B1 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Minh T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh T1 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Dương Văn V 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Dương Văn V 10.000.000 đồng.

+ Bị cáo Đào Văn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo Đào Văn L 10.000.000 đồng.

Giao các bị cáo: Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Minh T1 và Dương Văn V cho Ủy ban nhân dân xã PS, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đào Văn L cho Ủy ban nhân dân xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên xử:

- Trả lại cho ông Nguyễn Viết A2 01 cửa máy màu đỏ - trắng-đen;

- Tịch thu, hóa giá sung Ngân sách Nhà nước, gồm: 02 lồng gỗ thông, trong đó: Mỗi lồng gỗ thông có chiều dài là 2 mét và đường kính thân là 40 cm; 01 di động hiệu Nokia màu đen có gắn sim điện thoại của bị cáo Lê Như N, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen có gắn sim điện thoại của bị cáo Trần D.

Tất cả vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Bảng kê cân xe ô tô mang BKS: 75C-11168 từ ngày 01/04/2021 đến ngày 10/4/2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc các bị cáo: Lê Như N, Trần D, Trần T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Minh T1, Đào Văn L và Dương Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Công an tỉnh – Phòng PV06;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú

